

Bản án số: 332/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/12/2024

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Yên và bà Tường Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Như Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn D, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà Hà Thị B, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt lần 02 không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024, nội dung bản tự khai, B bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn D và bà Hà Thị B được tự do tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 1991, ông D và bà B chung sống cùng bố mẹ đẻ của ông D tại thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, cho đến năm 2002 thì ông D và bà B mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110 ngày 20/9/2002. Sau khi kết hôn ông D và bà B sinh sống tại thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa,

tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn gì. Khoảng đầu năm 2023, ông D và bà B xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ông D cho rằng do bà B đi theo đạo, ông D không nhất trí nhưng bà B vẫn theo, mỗi tháng bà B đi rất nhiều lần, thời gian sau đó bà B không về nhà chung sống cùng ông và gia đình. Gia đình có khuyên bảo nhưng bà B vẫn không chịu lắng nghe và thay đổi. Ông D và bà B đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện nay ông D không liên lạc được với bà B, không nắm được địa chỉ cụ thể của bà B. Tuy nhiên bà B vẫn thường liên lạc qua điện thoại về nhà cho các con. Ông D xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà B không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà Hà Thị B.

- Về con chung: Ông D và bà B có hai con chung là anh Đinh Quang H, sinh ngày 07/01/1995 và chị Đinh Thị Thanh H1, sinh ngày 31/7/1992. Nay các con chung của ông D bà B đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông D không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Đinh Văn D nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Bị đơn bà Hà Thị B mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà B vẫn không có mặt nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân; bà Hà Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Văn D, cho ông Đinh Văn D được ly hôn bà Hà Thị B.

Về con chung: Do các con chung của ông Đinh Văn D và bà Hà Thị B đều đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động và đã lập gia đình riêng nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không đề cập xem xét.

Về án phí: Ông Đinh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; bà Hà Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ông Đinh Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với bà Hà Thị B; bà Hà Thị B có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì bà Hà Thị B có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Bà B thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hiện đang ở đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể như thế nào thì Công an không nắm được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà B đến Tòa án để làm việc nhưng bà B vắng mặt không có lý do, bà B đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Văn D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị B vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đinh Văn D và bà Hà Thị B là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi đăng ký kết hôn ông D và bà B được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1991, ông D và bà B chung sống cùng

bố mẹ đẻ của ông D tại thôn NL, xã TP, huyện Chiêm Hóa, cho đến năm 2002 thì ông D và bà B đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110 ngày 20/9/2002. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông D cho rằng do bà B đi theo đạo, ông D không nhất trí nhưng bà B vẫn theo, mỗi tháng bà B đi rất nhiều lần, thời gian sau đó bà B không về nhà chung sống cùng ông và gia đình. Gia đình có khuyên bảo nhưng bà B vẫn không chịu lắng nghe và thay đổi, ông D và bà B đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Ông D xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà B không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông D ly hôn với bà Hà Thị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà B là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà B thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D, xử cho ông D được ly hôn với bà B.

[2.2] Về con chung: Ông D và bà B có hai con chung là anh Đinh Quang H, sinh ngày 07/01/1995 và chị Đinh Thị Thanh H1, sinh ngày 31/7/1992. Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Đinh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; bà Hà Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đinh Văn D, cho ông Đinh Văn D được ly hôn bà Hà Thị B.

2. Về án phí: Ông Đinh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001980956 ngày 09/10/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000646 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (ông D đã nộp đủ tiền án phí).

Bà Hà Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã TP (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh